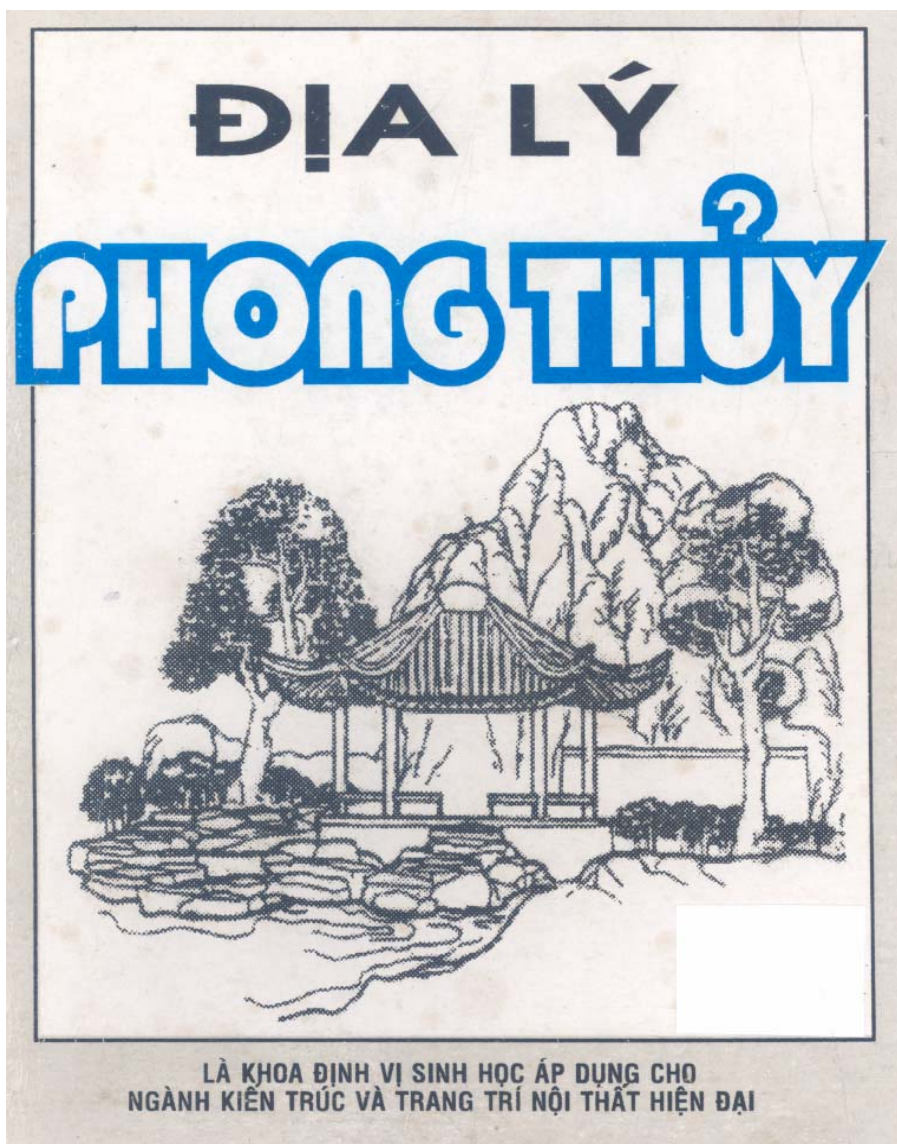


TRẦN VĂN HẢI
TỦ SÁCH SINH HỌC NĂM 1992

**TẬP 4. THỰC HÀNH THUẬT PHONG
THỦY. CHUYÊN ĐỀ CHO CHỦ NHÀ
MẠNG CẦN**



TRẦN VĂN HẢI

NGUYÊN TRƯỞNG BAN SOẠN THẢO CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN
KHOA ĐỊA LÝ PHONG THỦY VIỆT NAM QUỐC TỰ SÀI GÒN NĂM 1972

**THỰC HÀNH THUẬT
PHONG THỦY
CHUYÊN ĐỀ CHO CHỦ NHÀ MẠNG
CẤN**

Sách in từng tập bằng máy vi tính giá thành cao
nên không bán chỉ làm quà tặng cho các thân hữu

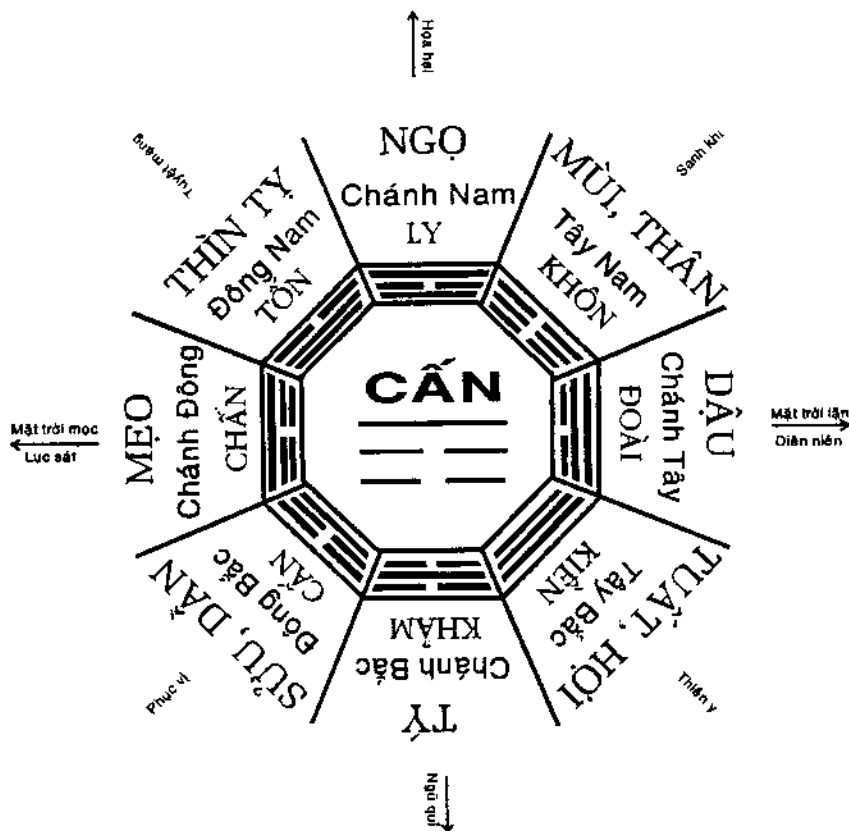
1992



CẤN VI SƠN

NÚI

CHUYÊN ĐỀ LÝ GIẢI CÁC SINH HOẠT TẠI NỘI THẤT CỦA CHỦ NHÀ MẠNG CẤN





Chú ý : Ô 1 - theo chiều mũi tên dành cho HƯỚNG ĐẶT BẾP .
Còn HƯỚNG XÂY NHÀ thuộc chiều mũi tên của Ô 2.
Ví dụ : Tuổi Hợi đặt bếp hướng Đông Tuổi Tý tuổi Sửu
đặt hướng Đông Bắc. Xây nhà hướng Tây với tuổi Hợi.

BIỂU TƯỢNG VẠN VẬT SỞ THUỘC CUNG CẤN

Những điều nói “Tượng loại vạn vật” là tượng vật của quẻ thuần. Nhiều người thắc mắc hỏi: khi quẻ thượng và quẻ hạ không giống nhau làm thế nào, làm sao? (Gặp trường hợp này phải xem quẻ trên là quẻ gì, quẻ dưới là quẻ gì, đoán việc gì, sau đó mỗi quẻ chủ tượng gì, như vậy là được. Ví dụ: đoán về ăn uống được quẻ “tụng” (䷌), quẻ Kiến của quẻ thượng trong tượng vật của thức ăn là vật gì, quẻ Khảm của quẻ hạ trong tượng vật của thức ăn là vật gì, như thế là trong bàn ăn có những món gì sẽ rất rõ ràng. Đối với quẻ hồ, quẻ biến cũng làm như vậy. Tượng quẻ khác cũng vậy. Trong việc nghiên cứu chuyên đề về Tượng

Loại Vạn Vật, chúng ta cần lưu ý các điều sau đây:

- (1) Giao thời giữa tháng 9 và 10 mùa Thu, chuyển từ tháng, năm: Tuất sang Hợi; giờ ngày tháng năm của ngũ kim nghĩa là tháng 9 là Tuất, tháng 10 là Hợi, quẻ Kiến chính ở ngôi này, cho nên thời gian ứng sự của quẻ này có thể đoán định vào các năm, tháng, ngày, giờ Tuất, Hợi. Giờ ngày tháng năm của ngũ kim là: “ngũ kim” là chỉ “kim” trong ngũ hành, tức thời gian ứng sự của quẻ Kiến, có thể đoán giờ ngày tháng năm kim: Canh, Tân, Thân, Dậu mà thành sự (các quẻ khác cách giải thích cũng như vậy).

- (2) Ngôi hàng 1,4,9: quẻ Kiến vượng tướng ở tháng một, tháng tư, tháng chín là kim, là chính ngôi của quẻ Kiến. Ngôi hàng 1,4,9 tức người đó là con đầu (một) hoặc thứ tư, hoặc thứ 9. Các quẻ khác nói cũng như thế.
- (3) Số 1,4,9: có nghĩa là lệnh 9 của tháng giêng, tháng tư; hoặc số là 1, hoặc 4, hoặc 9 hoặc là 149: cụ thể là bao nhiêu phải tùy sự việc mà đoán. Các quẻ khác cách nói cũng tương tự.
- (4) Tháng Thìn Tuất Sửu Mùi, giờ ngày tháng năm: Mùi, Thân: quẻ Khôn ngũ hành thuộc thổ, gặp tháng thổ: Thìn Tuất Sửu Mùi thì vượng. Thời gian ứng sự của nó có thể đoán vào tháng năm hoặc ngày giờ Thìn Tuất Sửu Mùi. Vị thân là phương vị của quẻ Khôn nên còn có thể đoán quẻ Khôn vào tháng năm hoặc ngày giờ Mùi, Thân. Các quẻ khác cách nói cũng tương tự. Dưới đây là các biểu tượng vạn vật thuộc cung Cấn sắp xếp theo mẫu tự.

ĂN UỐNG

[Ăn uống]: hương vị của vật ở trong đất, thịt các loại thú; thuộc mạng trúc cạnh mộ; hương vị dân dã.

BÁT MÔN TIỂU ĐỘN

Bát Môn là Tám cung, tám cửa Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, Kiến, Hưu, Sanh, Thương, Đổ, Kiến, Tử, Kinh, Khai.

Đối với cung Cấn thuộc Sanh Môn sở thuộc 6 ngày: Nhâm

Ngọ, Quý Mùi, Giáp Thân, Bính Ngọ, Đinh Mùi, Mậu Thân, đi xa được tốt.

BỆNH TẬT

[Bệnh tật]: bệnh về ngón tay; bệnh về tỳ vị.

BÓI KIỂU

Trong phạm vi Bói Kiểu quả Cấn ứng về tài lợi được dồi dào hay hao hụt.

CẦU DANH

[Cầu danh]: cách trở vô danh; nên nhậm chức phía Đông Bắc; hợp với chức trông coi đất đai ở vùng núi.

CHỮ SỐ

[Chữ số]: 5, 7, 10

CHỮ TÊN HỌ

[Chữ tên họ]: chữ viết tên họ bên cạnh có chữ thổ (); ngôi hàng 5,7,10.

ĐỊA LÝ

[Địa lý]: đường đất ở trên rừng gần sơn thành; lũng gò; mỏ mả; phương Đông Bắc; môn khuyết (thiếu, mất cửa).

ĐỘNG VẬT

[Động vật]: hổ; chó; chuột; các loại súc vật (bách cầm) thuộc loại mỏ đen: hổ, ly.

GIAO DỊCH

[Giao dịch]: khó thành; có việc giao dịch về ruộng đất rừng núi; mùa Xuân có thua thiệt.

HỘI KIẾN

[Hội kiến]: không thể gặp; có trắc trở; nên gặp người vùng núi.

HÔN NHÂN

[Hôn nhân]: cách trở khó thành; thành nhưng muộn, chậm; lợi kết hôn với nam trẻ; nên kết hôn với người nông thôn; mùa Xuân không lợi.

KIỆN TỤNG

[Kiện tụng]: quý nhân cản trở làm chậm; kiện chưa được giải quyết; có liên quan không dứt được.

MÀU SẮC

[Màu sắc]: vàng.

NGŨ VỊ

[Ngũ vị]: ngọt.

NHÀ CỬA

[Nhà cửa]: ở phương Đông Bắc; ở núi gần đá; nhà gần đường.

NHÀ Ở

[Nhà ở]: yên ổn; nhiều việc có trở ngại; người nhà không hòa thuận; mùa Xuân không yên.

NHÂN VẬT

[Nhân vật]: đàn ông trẻ tuổi; người rồi việc; người trong núi; đồng tử.

PHẦN MỘ

[Phần mộ]: huyết hướng Đông Bắc; huyết trong núi; gần

bên cạnh đường có đá; mùa Xuân không lợi.

PHƯƠNG HƯỚNG

[Phương hướng đi]: phương Đông Bắc.

SINH ĐẼ

[Sanh đẻ]: khó sinh; có chỗ hiểm yếu, trắc trở; nên hướng Đông Bắc; mùa Xuân có tổn thất.

TÍNH CÁCH

[Tính cách]: cách trở; thủ tĩnh (giữ yên tĩnh); tiến thoái do dự; mặt sau; phản lại; ngừng lại; không thấy.

TÍNH VẬT

[Tính vật]: đất đá; quả dưa; vật màu vàng; vật trong đất; cửa chùa; vật do gỗ làm ra; dưa của loại cây dây leo sinh ra.

THÂN THỂ

[Thân thể]: ngón tay; xương; mũi; lưng.

THIÊN THỜI

[Thiên thời]: mây; mù; mây mù ở thung lũng.

THỜI GIAN

[Thời gian]: tháng giữa Đông sang Xuân; giờ ngày tháng năm Sửu Dần của tháng 12; ngày tháng 7,5,10; giờ ngày tháng năm thổ.

XUẤT HÀNH

[Xuất hành]: không nên đi xa; có trắc trở; nên đi đường bộ và gần.

VẬN MẠNG TRỌN ĐỜI CỦA CHỦ NHÀ MẠNG CẤN

Bát Quái của Kinh Chu Dịch nếu đem so sánh với Hành Tinh trong Thái Dương Hệ ta sẽ thấy có sự tương đương về bản chất như:

- | | | | | |
|--------|-----------------|---------------------------|------------|------|
| - Kiến | tương đương với | Kim Tinh (Vénus) | thuộc hành | Kim |
| - Khảm | - - | Thủy Tinh (Mercure) | - | Thủy |
| - Cấn | - - | Thổ Tinh (Saturne) | - | Thổ |
| - Chấn | - - | Mộc Tinh (Jupiter) | - | Mộc |
| - Tốn | - - | Hải Vương Tinh (Neptune) | - | Mộc |
| - Ly | - - | Hỏa Tinh (Mars) | - | Hỏa |
| - Khôn | - - | Diêm Vương Tinh (Pluton) | - | Thổ |
| - Đoài | - - | Thiên Vương Tinh (Uranus) | - | Kim |

Theo tài liệu của KYSERLING NÉCIPHORE và TÀO TUYẾT LONG (Đã biết)

Công danh	Bản tánh	và	Nhân cách
Tình duyên	Năng khiếu		Tài lộc
Thân thể	Sự nghiệp		Thọ yếu
Cuộc đời	Giàu sang		Nghèo hèn

Dưới đây chúng tôi sẽ giải thích rõ về đặc điểm và vận mạng của chủ nhà mạng Cấn.

CHỦ NHÀ MẠNG CẤN

Tương Dương với Thổ Tinh (Saturne) thuộc hành Thổ.

BẢN CHẤT

Là con người biết thương xót, tượng trưng cho sự công bình bác ái, biết việc làm và xử dụng mọi công việc sáng tạo, biết làm việc theo khả năng, hay chiều chuộng cộng tác có nhiều sáng kiến hơn mình, biết suy nghĩ và cộng tác với người phát minh ra sự việc, làm tròn bốn phận, lo tròn công việc giao phó. Không thích những người xảo trá và mâu thuẫn. Hay chờ đợi việc làm hơn là có sáng kiến trong công việc làm.

SỞ THÍCH

Thích người ta dùng mình đúng chỗ và trả tiền sòng phẳng đúng ngày hơn là lời thối về vấn đề tiền bạc. Không thích biến cải sự làm ăn, chỉ lo thủ phận và bình hóa mọi vấn đề không thích quan trọng sự việc hay tăng bốc mình lên cao muốn làm gì thì làm không chịu hay cãi vã dù biết làm công việc đó sai. Không chịu gò bó trong một kỷ luật khắt khe hay chống lại sự những cưỡng ép bất bình đẳng chống lại những sự bất công trong công việc làm ăn hay tiền bạc.

TÌNH DUYÊN

Tình duyên rất mực chính chắn, muốn bước vào vấn đề ân ái thường suy nghĩ rất chính chắn và phân tách rất cẩn thận, rồi mới bắt đầu đi vào con đường tình yêu, thực tế và cẩn thận trong vấn đề nảy vấn đề tình duyên quá khắt khe đòi hỏi nhiều thời gian thử thách và thêm một thời gian xét đoán

nữa mới đi sâu vào vấn đề cho nên tình duyên ít bị đổ vỡ, thích người mạng Chấn; Khôn; Đoài đó là những mạng của người yêu tương lai. Tóm lại vấn đề tình yêu rất dè dặt và rất thận trọng.

CÔNG DANH

Công danh lên cao tốt đỉnh của danh vọng, năng khiếu và tài năng có thừa ở những chức vụ quan trọng của một xã hội cần thiết đến sự phục vụ của mình. Công danh không có trở ngại, vẫn một con đường đi thẳng không có hố sâu, vực thẳm hoàn toàn thành công trong vấn đề này, không có một trở ngại nhỏ nào có thể chi phối được sự tiến triển của công danh.

SỰ NGHIỆP

Sự nghiệp lúc đầu có hơi nghiêng ngửa đôi chút nhưng sau đó thì thành công hoàn toàn theo song song với công danh, sự nghiệp có thể vững chắc được khi công danh được lên cao.

TÀI LỘC

Vấn đề tài lộc rất điều hòa, muốn xuất phát, làm ăn một việc gì, rất chính chắn và cẩn thận. Không khi nào tiêu pha một cách oan uổng không bao giờ mạo hiểm hay liều lĩnh một cách điên rồ mà không bao giờ nghĩ trước, cho nên vấn đề tài lộc hết sức thận trọng và chắc chắn không bao giờ xút mẻ.

CUỘC ĐỜI

Cuộc đời lúc nhỏ có nhiều trở ngại trong vấn đề học vấn hay đau buồn về chuyện gia đình, sự nghiệp, trong lòng nhiều bận bịu, tuy nhiên, sau đó thì được đổ đạt, những ý tưởng bị quan lẩn tiêu tan mất, tuổi nhỏ cuộc đời cũng nhiều đau xót, không bao giờ có sự yên lặng của tâm hồn, trong mọi vấn đề đều mang trong lòng nhiều thắc mắc.

THỌ YẾU

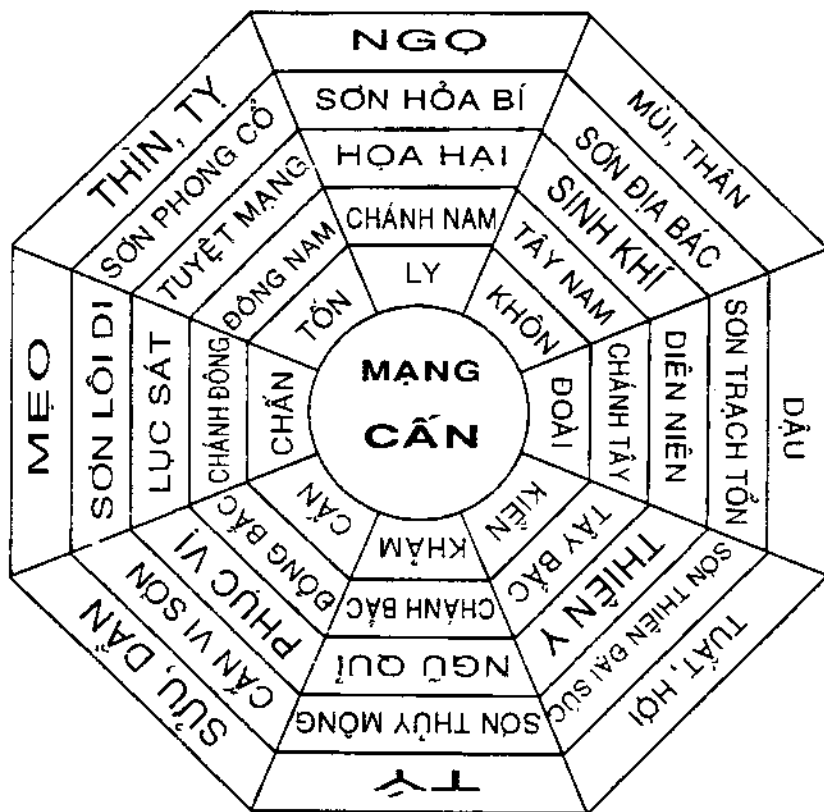
Số này có bất đắc kỳ tử nhưng ở vào tuổi già, không có bệnh hoạn, đau yếu thường xuyên. Có thể bị bất đắc kỳ tử về tai nạn.

Ý THƠ BỔ SUNG

*Cung Cấn số này luận ra,
Cung này thuộc Thổ, Đông Bắc hướng sanh.
Số này xuất ngoại làm nên,
Vi có nghệ thuật tinh chuyên hơn người.
Đến đâu cũng được yêu vì,
Làm ăn mọi việc chỉ nhờ người đứng.
Căn duyên chồng vợ thuận hòa,
Con cái có ít, gia đình yên vui.
Số gái cũng được vinh sang,
Có chồng quyền quý, môn đình được an.
Số thọ ghi bảy mươi ba (73),
Khi thác cũng được họ hàng đưa đông.
Có nhạc trống, có Sư Tăng,
Tụng kinh phổ độ hồn về Tây phương.
Khá nên tích thiện tu thân,
Ngày sau con cháu hưởng nhờ phúc dư.
Tuổi Sửu và tuổi Dần làm nhà trở cửa cái về hướng Đông
Bắc hay là Tây Bắc cũng được.*

BÁT QUÁI ĐỒ

CỦA CHỦ NHÀ MẠNG CẦN



PHƯƠNG HƯỚNG XÂY NHÀ CỦA NGƯỜI MẠNG CẤN

CHỦ MẠNG CẤN CHỌN HƯỚNG CẤN (Đông Bắc) ĐỂ QUAN HỆ VIỆC XÂY NHÀ.

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Phục Vị là quẻ Cấn Vi Sơn trong kinh Chu Dịch. Theo lý thuyết hướng nhà này là thứ cát nhưng thực tế kỵ không nên sử dụng vì Phục Vị thuộc sao Tả Bố, Âm Thủy, còn cung Cấn thuộc Dương Thổ, không hợp với con trai út.

CHỦ MẠNG CẤN CHỌN HƯỚNG CHẤN (Chánh Đông) ĐỂ QUAN HỆ VIỆC XÂY NHÀ

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Lục Sát là quẻ Sơn Lôi Di trong kinh Chu Dịch. Chủ nhà tiền tài hao hụt, khẩu thiệt thứ hung.

CHỦ MẠNG CẤN CHỌN HƯỚNG TỐN (Đông Nam) ĐỂ QUAN HỆ VIỆC XÂY NHÀ

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Tuyệt Mạng là quẻ Sơn Phong Cổ trong kinh Chu dịch. Chủ nhà bị mưu hại, tổn thọ (không con nối dòng) Đại hung.

**CHỦ MẠNG CẤN CHỌN HƯỚNG LY
(Chánh Nam)**

ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Họa Hại là quẻ Sơn Hỏa Bí trong kinh Chu Dịch. Chủ nhà bị thị phi, kiện tụng, thương nhân khẩu, Thử hung.

**CHỦ MẠNG CẤN CHỌN HƯỚNG KHÔN
(Tây Nam)**

ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Sinh Khí là quẻ Sơn Địa Bác trong kinh Chu Dịch. Theo lý thuyết hướng nhà này là Thượng Cát nhưng thực tế kỵ không nên sử dụng vì Sinh Khí thuộc sao Tham Lang, Dương Mộc, còn cung Khôn thuộc Âm Thổ, có hại đến bốn mạng mẹ hoặc vợ.

**CHỦ MẠNG CẤN CHỌN HƯỚNG ĐOÀI
(Chánh Tây)**

ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Diên Niên là quẻ Sơn Trạch Tồn trong kinh Chu Dịch. Chủ nhà giàu có thuộc hạng bậc trung có tiền bạc dồi dào, sống thọ Thứ Cát.

**CHỦ MẠNG CẤN CHỌN HƯỚNG KIẾN
(Tây Bắc)**

ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Thiên Y là quẻ Sơn Thiên Đại Súc trong kinh Chu Dịch. Chủ nhà phú quý, trong nhà ít có người mang bệnh tật, Thượng Cát.

CHỦ MẠNG CẤN CHỌN HƯỚNG KHẢM (Chánh Bắc) ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Ngũ Quỷ là quẻ Sơn Thủy Mông trong kinh Chu Dịch. Chủ nhà bị hỏa tai, bệnh tật, khẩu thiệt đại hung.

Lưu ý:

Nếu khinh xuất mà xây cất nhà cửa, cánh hướng về các hướng đại kị, thứ kị như đã kể trên, hoặc nghe biết mà không chịu sửa chữa bằng cách dời đổi, hay xoay lại bếp, lò, nhà tiêu để trấn áp hung thần, giải trừ tai họa thì khó tránh khỏi những tai biến xảy ra trong một thời gian sớm muộn.

chọn phương hướng trổ cửa *CỦA CHỦ NHÀ MẠNG CẤN*

Cấn sơn, Khôn hướng... Sửu sơn, Mùi hướng... Dần sơn, Thân hướng. Trạch này lợi vào năm tháng Thân, Dậu, Tuất nhập Mộ ở Thìn, trung ứng vào con thứ 3,4. Phối với Kiến kim là Thiên y, Khôn là Sinh khí, Đoài là Diên Niên, đều nên mở cửa ở các vị đó. Nếu mở Môn Lộ ở Khảm là Kim khắc Mộc. Cửa thứ 2 Canh hợp nạp giáp cũng được.

CỬA CÁI VÀ CHỖ ĐẶT BẾP LÒ _____

QUAN HỆ VỚI

CỦA CHỦ NHÀ MẠNG CẤN

- Một ngôi nhà có 7 chỗ quan hệ tức là có ảnh hưởng tốt xấu: Cửa ngõ, cửa cái, cửa phòng, cửa bếp, chủ nhà hay sơn chủ, bếp và hướng bếp.

- Trong 7 chỗ quan hệ có 3 chỗ chính yếu ảnh hưởng trọng đại để quyết định ngôi nhà tốt hay xấu. Còn 4 chỗ kia thuộc hàng thứ yếu (phụ thuộc), ảnh hưởng bình thường, chỉ có thể bớt tốt xấu mà thôi.

- Cửa cái là một nơi chính yếu, vì nó là lối đi vào nhà, nếu mở trúng tại cung tốt tức như người đi trúng vào chốn may mắn, bằng mở tại cung xấu tức như người đi vào chốn nguy hiểm, tối tăm, chông gai. Cửa cái là mẹ sanh ra các Du niên cho chủ nhà, cho sơn chủ và cho bếp. Vì vậy nên hễ chủ nhà, sơn chủ và bếp thừa Du niên tốt tức cửa cái tốt, vì mẹ tốt mới sanh ra con tốt, bằng thừa Du niên xấu tức cửa cái xấu, vì mẹ xấu mới sanh con xấu.

- Chủ nhà hay sơn chủ đều là nơi chính yếu, trụ cột, chủ yếu, làm chủ toàn thể ngôi nhà cho nên gọi là chủ nhà, là sơn chủ. Nếu nó được ở nhằm cung tốt và thừa Du niên tốt hay Sao tốt là nhà ở thịnh vượng và yên lành. Bằng ở nhằm cung xấu và thừa Du niên xấu hay Sao xấu là nhà ở suy vi, chẳng yên.

Chuyến Để Mạng Cẩn

- Bếp là chỗ chính yếu vì nơi sinh dưỡng, nuôi sống con người, nếu được an trí nơi cung tốt và thừa Du niên tốt thì sự sinh dưỡng mới được lợi ích, ít bệnh hoạn. Bằng an trí tại cung xấu và thừa Du niên xấu khác nào sự sinh dưỡng bị đầu độc gay ra đủ các bệnh chứng cả tai họa. Trăm bệnh đa số do nơi ăn uống sinh ra.

Tóm lại: Ba chỗ chính yếu được đặt vào 3 cung tốt là đối với nhau được tương sanh hay tỷ hòa và 3 cung đều thừa cát Du niên hay cát tinh thì quyết định một ngôi nhà thịnh vượng. Bằng trái lại đặt trùng vào 3 cung xấu là đối với nhau tương khắc và đồng thừa hung Du niên hay hung tinh thì quyết định ngôi nhà suy bại.

Sự sai biệt trong 4 chỗ thứ yếu:

- Trong 4 chỗ thứ yếu thì hướng bếp có tầm quan trọng hơn cả, kế đó là cửa phòng và cửa bếp, sau hết là cửa ngõ. Người xưa không kể tới cửa ngõ, có lẽ vì nó không thuộc về ngôi nhà. Phần này được nói gọn lại là Cửa cái, chủ nhà và bếp. Cửa là chỉ nói cửa cái chứ không phải là cửa phòng hay cửa bếp. Chủ là nói chủ nhà ở tịnh Trạch, là nói sơn chủ ở Đông trạch và Biến hóa Trạch. Bếp là nói tại chỗ đặt lò hay cà ràng nấu ăn chứ chẳng luận tới hướng mở cửa của cái bếp.

1- CHỦ NHÀ MẠNG CẨN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG CẨN (ĐÔNG BẮC) PHỤC VÌ

(Cửa cái đặt tại Cẩn (Đông Bắc), chủ nhà hay sơn chủ cũng tại Cẩn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Trùng trùng, điệp điệp, thể tứ thương.

Trùng trùng, điệp điệp là nhiều tầng nhiều lớp. Cấn thuộc núi (Cấn vì sơn). Cấn lại gặp Cấn tức như núi này liên tiếp tới núi kia cho nên nói là trùng trùng, điệp điệp. Thê tử thương là nói vợ con lâm hại.

- Từ cửa Cấn (Đông Bắc) biến 8 lần tới chủ Cấn là Phục vị, cho nên gọi là Phục vị trạch. Hai Thổ gồm hợp nhau đồng một ruộng làm nên giàu có. Sơ niên rất phát tài và thuận lợi, nhưng về lâu sau, thì vì thuận dương chẳng sinh hóa được cho nên khắc hại vợ, bại thảm con, người ở càng ngày càng thưa dần (gai cánh sẽ như chợ vừa nhóm tan).

Cửa Cấn (Đông Nam) với chủ Cấn phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1-Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): Cửa Cấn (Đông Bắc) thì bếp Kiền (Tây Bắc) tương sanh và là bếp Thiên y thổ đắc vị, hiệp với Tây tứ trạch rất tốt. Nhà phát phú quý kiêm toàn, cha con hay làm việc lành (Kiền Cấn chỉ vào cha và con trai, Thiên y và làm việc lành). Nhưng ba cung Cấn Cấn Kiền toàn dương mà khuyết âm là chỗ bất lợi cho vợ và tiểu nhi về lâu sau ắt tuyệt tự.
- 2- Bếp đặt tại Khâm (chánh Bắc): Cửa Cấn (Đông Bắc) thì bếp Khâm (chánh Bắc) tương khắc và phạm Ngũ quý đại hung, mọi sự đều chẳng có lợi. Bếp Khâm (chánh Bắc) với chủ Cấn cũng tương khắc và hổ biến cũng Ngũ quý, thêm hung.
- 3- Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Bếp Cấn (Đông Bắc) đối với cửa Cấn (Đông Bắc) và chủ Cấn đều được tỷ hòa và do thổ sanh kim, nhà có nhiều tiền của. Nhưng số người quá ít vì Cấn Cấn Cấn thuận dương chẳng sinh

hóa được.

- 4- Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông): Bếp Chấn (chánh Đông) mộc khắc cá cửa Cấn (Đông Bắc) và chủ Cấn và biến sinh toàn là Lục sát lại thuận dương: hại vợ không con.
- 5- Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam): Bếp Tốn (Đông Nam) mộc khắc cá cửa Cấn (Đông Bắc) và chủ Cấn, biến sinh hai Tuyệt mạng, tuyệt khí đầy nhà, ở góa, dùng con nuôi nối dõi tông môn. Tốn là âm mộc khắc 2 dương thổ (Cấn Cấn), đó là âm đoạt quyền, phụ nữ nắm giữ gia sản, tiểu nhi mang bệnh huỳnh thũng và tỳ vì bị tật. (Huỳnh thũng là nói chung hai thứ bệnh: huỳnh đản bệnh da vàng và phù thũng bệnh sưng da thịt).
- 6- Bếp đặt tại Ly (chánh Nam): Bếp Ly (chánh Nam) hỏa đồng sanh cửa Cấn (Đông Bắc) và chủ Cấn nhưng cũng đồng biến sinh Hỏa hại. Vì vậy sơ niên phát phước nhưng về sau lâu phụ nữ hung cường, đảo loạn gia cang.
- 7- Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Bếp Khôn (Tây Nam) là một cái bếp tốt, vì Khôn âm thổ đối với hai Cấn đều tỷ hòa mà có đủ âm dương và đồng biến sinh Sinh khí (mặc dầu Sinh khí thất vị).
- 8- Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây): Bếp Đoài (chánh Tây) âm kim phối hiệp với 2 Cấn dương thổ là tương sanh, chánh phối, đồng biến sanh 2 Diên niên kim hữu khí. Đây là một cái bếp đại cát, đại lợi, trong 8 bếp chẳng

bếp nào sánh kịp.

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều thuộc về chủ nhà mạng Cấn. Nhà này thuộc Tây tứ trạch, cho nên Tây trù là 4 bếp Kiền, Khôn, Cấn, Đoài đều tốt, vì bếp nào cũng biến sinh được hai cát Du niên. Còn Đông trù là bếp Khâm, Ly, Chấn, Tốn, đều bất lợi, vì bếp nào cũng biến sinh hai hung Du niên.

2- CHỦ NHÀ MẠNG CẤN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG CHẤN (CHÁNH ĐÔNG) LỤC SÁT

(Cửa cái tại Chấn tại (chánh Đông), chủ nhà hay sơn chủ tại Cấn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Long phó sơn trung, thiếu nhi lang. Ý nghĩa: Rỗng đến trong núi, ít con cái. Long là rỗng ám chỉ vào Chấn, sơn là núi chỉ vào Cấn. Cửa Chấn (chánh Đông) khắc chủ Cấn là hàng thiếu nam họa hại. Lại Chấn Cấn thuận dương chẳng sinh hóa được nên nói ít con cái.

- Từ cửa cái Chấn (chánh Đông) biến 4 lần tới chủ Cấn phạm Lục sát cho nên gọi là Lục sát trạch. Cấn Chấn thuận dương tương khắc phạm Lục sát là hung Du niên, khiến cho tiểu nhi tuyệt hại và chết chóc, nam nữ đều chẳng sống lâu, sanh ra các vụ tán tài, quan tụng, trộm cắp, tuyệt tự, con nuôi nắm giữ gia sản... Cấn thổ thuộc màu vàng bị Chấn mộc khắc, sanh ra các chứng bệnh vàng da, phù thũng, tỳ vị, phong bệnh.

Cửa Chấn (Chánh Đông) với chủ Cấn phối 8 chỗ đặt bếp :

1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc) dương kim khắc cửa Chấn

(chánh Đông) và là bếp Ngũ quý rất hung hại, rất bất lợi. Dù Kiền với chủ Cấn tương sanh và hổ biến được Thiên y hữu khí rất tốt nhưng thuận dương Khôn đủ bù trừ các sự bất lợi Ngũ quý.

- 2) Bếp đặt tại Khâm (chánh Bắc) dương thủy đối với cửa Chấn (chánh Đông) tương sanh, đối với chủ Cấn tương khắc, cát hung bằng nhau.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc) dương thổ cũng như chủ Cấn đối với cửa Chấn (chánh Đông) là thổ khắc (Cấn bị Chấn khắc) bất lợi cho hàng tiểu nhi.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông) dương mộc đối với cửa Chấn (chánh Đông) tỷ hòa và là bếp Phục vị đáng diện khá tốt. Nhưng Chấn với chủ Cấn tương khắc hổ biến Lục sát hung hại. Bếp này hung cát tương đương.
- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam) âm mộc đối với cửa Chấn (chánh Đông) dương mộc là âm dương tỷ hòa và là bếp Diên niên tuy thất vị nhưng vẫn tốt. Nhưng Tốn đối với chủ Cấn tương khắc và thuận dương, nhưng vinh chẳng thận hòa.
- 6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam) âm hỏa đối với cửa Chấn (chánh Đông) tương sanh và là bếp Sinh khí đắc vị, lại được cách Mộc hỏa thông minh, cầu tiền, sấm cửa, công danh thành tựu. Nhưng Ly là cửa đốt chủ Cấn là đất phải khô, phụ nữ tàn bạo, hiểm con.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam) âm thổ bị cửa Chấn (chánh Đông) khắc và là bếp Họa hại, mẹ lìa cha, tiểu nhi khó nuôi dưỡng, nam nữ đoán thọ. Nhưng

Khôn với chủ Cẩn tỵ hòa và hồ biến được Sinh khí tuy thất vị cũng khiến cho sanh kế khá tốt.

- 8) Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây) âm kim khắc cửa Chấn (chánh Đông) và là bếp Tuyệt mạng, trong số nhân đinh nữ nhiều nam ít, hiếm con, chết yểu, lắm sự bại tuyệt. Nhưng Đoài với chủ Cẩn tương sanh và hồ biến được Diên niên hữu khí là phát tài và có năng lực giải giáp các sự hại của Tuyệt mạng.

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây thuộc chủ nhà mạng Cẩn, Lục sát trạch. Cửa Chấn (chánh Đông) Đông trạch nhưng chủ Cẩn Tây trạch cho nên gọi ngôi nhà này Đông Tây tương hỗn trạch, không có bếp nào trợn tốt hay trợn xấu, hễ lợi cho cửa thì hại chủ, bằng lợi chủ thì hại cửa.

3- CHỦ NHÀ MẠNG CẨN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG TỐN (ĐÔNG NAM) TUYỆT MẠNG

(Cửa cái tại Tốn Đông Nam), chủ nhà hay sơn chủ tại Cẩn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Phong Sơn quá mẫu đa pháp tự.

Ý nghĩa: Gió núi mẹ góa rất hiếm hoi con cái. Phong là gió chỉ vào Tốn Sơn là núi chỉ vào Cẩn. Quá mẫu là mẹ góa bụa. Pháp tự là không có con thừa tự. Là nhà Tuyệt mạng nên lời tượng ứng như vậy.

- Từ cửa Tốn (Đông Nam) biến 7 lần tới chủ Cẩn phạm Tuyệt mạng cho nên gọi Tuyệt mạng trạch. Ở nhà này ắt tiểu nhi thọ hại (Cẩn bị khắc), bói lớp người góa bụa và phải nuôi

con họ khác làm kế thừa tự (Tuyệt mạng). Cửa Tốn (Đông Nam) khắc chủ Cấn là từ ngoài khắc vào trong rất nguy. nào là thừa kiện, nào là trộm cướp. Cấn thuộc thổ bị khắc nên sanh các chứng bệnh dạ dày, lá lách, vàng da, Cấn ở Đông Bắc có Sao cơ (Cơ thủy báo) hay làm gió lại gặp Tốn cũng gió cho nên bị phong tật nặng.

Cửa Tốn (Đông Nam) với chủ Cấn phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc) dương kim khắc cửa Tốn (Đông Nam) và là bếp Hỏa hại khiến cho phụ nữ đoán thọ, sanh sản chết. Nhưng Kiền với chủ Cấn tương sanh và hỗ biến được Thiên y hữu khí năng trừ giảm các tai họa.
- 2) Bếp đặt tại Khâm (chánh Bắc) dương thủy sanh cửa Tốn (Đông Nam) và là bếp Sinh khí đắc vị rất tốt. Nhưng Khâm với Cấn tương khắc và hỗ biến Ngũ quý, bất lợi cho hàng tiểu nhĩ.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc) dương thổ bị cửa Tốn (Đông Nam) khắc và là bếp Tuyệt mạng, bất lợi cho tiểu nhĩ, không con thừa tự, bệnh phong. Nhưng Cấn với chủ Cấn tý hòa và hỗ biến được phục vị mộc thất vị, không có lợi gì nhiều.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông) dương mộc đối với chủ Tốn tý hòa và là bếp Diên niên tuy thất vị cũng là bếp tốt. Nhưng Chấn khắc chủ Cấn và hỗ biến ra Lục sát, thiếu nam thọ hại. Bếp này hung cát tương đương.
- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam) âm mộc đối với cửa Tốn (Đông Nam) tý hòa và là bếp Phục vị đắc diện khá

tốt. Nhưng Tôn khắc chủ Cấn và hổ biến Tuyệt mạng, không con thừa tự, góa bụa. bếp này hung nhiều hơn cát.

- 6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam) âm hỏa đối vợ của Tôn (Đông Nam) tương sanh và là bếp Thiên y đắc vị và được cách Mộc hỏa thông minh, điền sản đầy thịnh, phụ nữ nên nhà. Nhưng Ly hỏa đốt chủ Cấn là cách phụ nữ tánh cương cường (cứng cỏi), vợ đoạt quyền chồng, kinh mạch chẳng điều, bị băng huyết, con trai con gái gian nan.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam) âm thổ bị cửa Tôn (Đông Nam) khắc và là bếp Ngũ quý đại hung. Nhưng Khôn với chủ Cấn tỵ hòa và hổ biến được Sinh khí thất vị cũng có phần tốt. Bếp này hung 10 phần, cát 3 phần.
- 8) Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây) âm kim khắc cửa Tôn (Đông Nam) và là bếp Lục sát bất lợi. Nhưng Đoài với chủ Cấn tương sanh và hổ biến được Diên niên hữu khí, có lợi về tiền tài và sức khỏe cho nhân khẩu.

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây thuộc chủ nhà mạng Cấn, Tuyệt mạng trạch. Chủ Tôn (Đông Nam) Đông trạch gặp chủ Cấn Tây trạch, ngôi nhà này là Đông Tây tương hổn trạch, không có bếp nào trọn tốt hay trọn xấu. Vì hễ Đông trù thì lợi cho cửa mà hại cho chủ, Tây trù thì lợi cho chủ mà hại cho cửa.

4- CHỦ NHÀ MẠNG CẤN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG LY (CHÁNH NAM) HỌA HẠI

(Cửa cái tại Ly (chánh Nam), Chủ nhà hay sơn chủ tại Cấn).

Chuyên Đề Mang Cấn

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Hỏa sơn phụ cương, kinh bát điều.

Ý nghĩa: Lửa núi đàn bà cứng cỏi, kinh nguyệt chẳng đều. Hỏa là lửa chỉ vào Ly và Sơn là núi chỉ vào Cấn. Cửa Ly (chánh Nam) và chủ Cấn là kiểu nhà số phụ nữ tánh cương ngạnh, kinh nguyệt khi sụt khi trôi.

- Từ cửa Ly (chánh Nam) biến 5 lần tới chủ Cấn gặp Hỏa hại cho nên gọi là Hỏa hại trạch. Nhà này phụ nữ tánh cứng cỏi, phạm vào cái bệnh vợ đoạt quyền. Nếu ở lâu năm số nhân dinh không thêm được mà phải nuôi con người khác làm con mình, kinh mạch bất thường. Lại nói Ly là lửa nóng thì Cấn là đất phải khô, ý nói nhà chẳng sanh sản, phụ nữ nhiều loạn trong nhà vang tiếng. Tuy nhiên trong thời gian đầu nhà này cũng được phát phú quý. Đó là nhờ cửa Ly (chánh Nam) âm hòa sanh chủ Cấn dương dương thổ, ngoài sanh vào trong, và Hỏa hại thuộc thổ đối với cửa Ly (chánh Nam) tương sanh, đối với chủ Cấn tỷ hòa: Ly Cấn và Hỏa hại gặp nhau không có chỗ nào tương khắc.

Cửa Ly (chánh Nam) với chủ Cấn phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): Bếp Kiền (Tây Bắc) kim đối với cửa Ly (chánh Nam) tương khắc và là bếp Tuyệt mạng, rất tổn hại cho cha ông mất mát, tán tài, thiếu con thừa tự. Nhưng Kiền đối với chủ Cấn tương sanh và hổ biến được Thiên y hữu khí có thể giải bớt sự tổn hại cho cha ông và đem lợi tốt cho hàng thiếu nam.

- 2) Bếp đặt tại Khâm (chánh Bắc): Bếp Khâm (chánh

Bắc) thủy đối với cửa Ly (chánh Nam) tuy tương khắc nhưng là âm dương chính phối và là bếp Diên niên đắc vị, khiến nên phú quý. Nhưng Khảm đối với chủ Cấn tương khắc và phạm Ngũ quý, rất bất lợi cho con trẻ, nam nữ chẳng sống lâu.

- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Bếp Cấn (Đông Bắc) thổ đối với cửa Ly (chánh Nam) là bếp Hòa hại, tuy hung song cũng có chỗ tương sanh, không quá tai hại. Còn Cấn với chủ Cấn tý hòa và hổ biến Phục vị là chỗ tốt qua loa. Vậy bếp này hung cát tương đương.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông): Bếp Chấn chánh Đông) mộc với cửa Ly (chánh Nam) tương sanh và là bếp Sinh khí đáng diện, phát tài phát quý mà không phát nhân đinh (số người không thêm đông). Nhưng Chấn khắc chủ Cấn, bất lợi cho trẻ nhỏ.
- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam): Bếp Tốn (Đông Nam) mộc với cửa Ly (chánh Nam) hỏa là tương sanh, là mộc hỏa thông minh, và là bếp Thiên y: đại cát, đại lợi. Nhưng Tốn khắc chủ Cấn bất lợi cho hàng thiếu nam, thiếu con thừa tự, sanh ra việc góa bụa, phạm bệnh phong đàm, bệnh da vàng, bệnh phù thũng.
- 6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam): Bếp Ly (chánh Nam) hỏa đối với cửa Ly (chánh Nam) tý hòa và là bếp Phục vị đắc vị khá tốt. Còn Ly với chủ Cấn hổ biến Hòa hại nhưng cũng được tương sanh. Vậy bếp Ly chánh Nam) cát nhiều hơn hung.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Bếp Khôn (Tây Nam)

thổ đối với cửa Ly (chánh Nam) là bếp Lục sát nhưng cũng được tương sanh, cái hại không thái quá. Nhưng Khôn với chủ Cấn là âm với dương tý hòa và hổ biến được Sinh khí. bếp này cát nhiều hơn hung.

- 8) Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây): Bếp Đoài (chánh Tây) kim đối với chủ Cấn là âm dương tương sanh và hổ biến được Diên niên và hữu khí rất tốt, thứ nhất là tốt cho hàng thiếu nam. Nhưng Đoài đối với cửa Ly (chánh Nam) là Đoài bị khắc và là bếp Ngũ quý tác loạn, khiến gia đạo bất hòa, phụ nữ đoán thọ.

Kết luận: Cửa Ly (chánh Nam) thuộc Đông trạch, chủ Cấn thuộc Tây trạch, nhà này thuộc Đông Tây tương hổ trạch, cho nên không có bếp nào trọn tốt hay trọn xấu, vì hễ lợi cho cửa thì hại chủ, bằng lợi cho chủ thì hại cửa.

5- CHỦ NHÀ MẠNG CẤN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG KHÔN (TÂY NAM) SANH KHÍ

(Cửa cái tại Khôn (Tây Nam), chủ nhà hay sơn chủ tại Cấn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Địa sơn thổ trùng, điền sản túc.

Ý nghĩa: Địa chỉ vào Khôn, Sơn chỉ vào Cấn (Khôn vi địa, Cấn vi Sơn). Thổ trùng là hai Thổ. Điền sản túc là ruộng vườn và sản vật đầy đủ.

- Từ cửa Khôn (Tây Nam) biến một lần tới chủ Cấn được Sinh khí cho nên gọi là Sinh khí trạch. Khôn với Cấn là hai thổ

tỷ hòa có đủ âm dương, ở nhà này ruộng đất có dư sanh nhiều lợi tức, lục súc hưng vượng, nam nữ đều sống lâu, nhi nữ đầy nhà, con hiếu cháu hiền. Nhưng ngại rằng Sinh khí mộc khắc Khôn Cấn thổ, lại Khôn Cấn là Tây tứ trạch kim khắc Sinh khí mộc. Vì sự đảo khắc qua lại như thế cho nên về sau lâu sẽ suy dần, chẳng khỏi tai họa dấy lên. Kiểu nhà này tốt bậc thứ.

Cửa Khôn (Tây Nam) với chủ Cấn phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): Cửa tại Khôn (Tây Nam) thổ thì bếp Kiền (Tây Bắc) kim tương sanh và là bếp Diên niên đắc diện lại hiệp với Tây tứ trạch khiến cho nhà rất thịnh vượng. Bếp Kiền (Tây Bắc) đối với chủ Cấn cũng tương sanh và hổ biến được Thiên y thổ hữu khí và sanh Tây tứ trạch kim tức làm cho nhà thêm tốt. Như vậy một bếp Kiền (Tây Bắc) mà làm kiện vượng cho cả hai nơi (Cửa và chủ) là một cái bếp đại cát. Lại nhờ nó mà Sinh khí trạch có thêm Diên niên và Thiên y hợp thành nhà ba tốt. Lại luận rằng: Bếp Diên niên ở trong ngôi nhà hai Thổ sanh một kim (Khôn Cấn Kiền) là nhà giàu kim ngân, người sống lâu như Bành tổ.
- 2) Bếp đặt tại Khâm (chánh Bắc): Bếp Khâm (chánh Bắc) đối với cửa Khôn (Tây Nam) tương khắc biến ra Tuyệt mạng, đối với chủ Cấn cũng tương khắc biến ra Ngũ quý. Một cái bếp mà sanh ra hai hung thần, ác quý thật là đại hung.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Bếp Cấn (Đông Bắc) cũng như chủ Cấn (Đông Bắc), đối với chủ Khôn tỷ

hòa mà có đủ âm dương và biến sanh Sinh khí. Vậy nhà Sinh khí lại bếp cũng Sinh khí, cửa, chủ và bếp là ba cung thổ tỷ hòa làm vượng khí lẫn nhau (tỷ hòa vì vượng khí). Kết luận đây là một cái bếp tốt, làm thịnh vượng cho nhà.

4) Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông): Bếp Chấn (chánh Đông) mộc đối với cửa Khôn (Tây Nam) thổ tương khắc và là bếp Hỏa hại, đối với chủ Cấn cũng tương khắc và hổ biến ra Lục sát. Một cái bếp khắc hại cửa và chủ, biến sanh ra hai Du niên, chẳng nên dùng nó. Dùng nó sẽ bị huỳnh đản và phù thũng, làm thương bại tỷ vị và tim, trong nhà nam nữ đều chẳng trường thọ mà quanh hiu con cái.

5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam): Bếp Tốn (Đông Nam) mộc khắc cửa Khôn (Tây Nam) và phạm Ngũ quý, lại cũng khắc chủ Cấn và biến sanh Tuyệt mạng. Như vậy bếp Tốn (Đông Nam) nay còn hung hại hơn bếp Chấn (chánh Đông), vì Ngũ quý và Tuyệt mạng gây tai họa mạnh hơn Hỏa hại và Lục sát. Nó gây họa hoạn cho bậc bà, bậc mẹ, sanh ra nhiều bệnh nguy như huỳnh đản và phù thũng, bệnh lao hoặc vì sanh sản mà chết, hay bị trộm đạo, khiến hao tán tiền tài. Khôn Tốn Cấn là 2 âm dương, trong đó có âm Tốn khắc dương Cấn, đó là âm hiếp dương, điềm phụ nữ nắm quyền nhà cửa.

6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam): Bếp Ly (chánh Nam) là Đông trù không hiếp với Tây trạch, đối vị cửa Khôn (Tây Nam) tương sanh nhưng biến thành Lục sát, đối

hòa mà có đủ âm dương và biến sinh Sinh khí. Vậy nhà Sinh khí lại bếp cũng Sinh khí, cửa, chủ và bếp là ba cung thổ tý hòa làm vượng khí lẫn nhau (tý hòa vì vượng khí). Kết luận đây là một cái bếp tốt, làm thịnh vượng cho nhà.

4) Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông): Bếp Chấn (chánh Đông) mộc đối với cửa Khôn (Tây Nam) thổ tương khắc và là bếp Hỏa hại, đối với chủ Cấn cũng tương khắc và hổ biến ra Lục sát. Một cái bếp khắc hại cửa và chủ, biến sinh ra hai Du niên, chẳng nên dùng nó. Dùng nó sẽ bị huỳnh đàn và phù thũng, làm thương bại tỷ vị và tim, trong nhà nam nữ đều chẳng trường thọ mà quạnh hiu con cái.

5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam): Bếp Tốn (Đông Nam) mộc khắc cửa Khôn (Tây Nam) và phạm Ngũ quý, lại cũng khắc chủ Cấn và biến sinh Tuyệt mạng. Như vậy bếp Tốn (Đông Nam) nay còn hung hại hơn bếp Chấn (chánh Đông), vì Ngũ quý và Tuyệt mạng gây tai họa mạnh hơn Hỏa hại và Lục sát. Nó gây họa hoạn cho bậc bà, bậc mẹ, sanh ra nhiều bệnh nguy như huỳnh đàn và phù thũng, bệnh lao hoặc vì sanh sản mà chết, hay bị trộm đạo, khiến hao tán tiền tài. Khôn Tốn Cấn là 2 âm dương, trong đó có âm Tốn khắc dương Cấn, đó là âm hiếp dương, điềm phụ nữ nắm quyền nhà cửa.

6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam): Bếp Ly (chánh Nam) là Đông trù không hiếp với Tây trạch, đối vị cửa Khôn (Tây Nam) tương sinh nhưng biến thành Lục sát, đối

với chủ Cấn cũng tương sanh nhưng biến thành Họa hại. Vậy bếp Ly (chánh Nam) cũng như bếp Chấn (chánh Đông) sanh ra Lục sát, và Họa hại, nhưng tai họa êm nhẹ hơn vì đối với cửa và chủ tương sanh chứ không tương khắc như bếp Chấn (chánh Đông) bếp Ly (chánh Nam) thuộc Hỏa đốt khô Khôn Cấn thổ cho nên trong nhà này phụ nữ điều ngoa, gian ác, kinh mạch chẳng điều, tiểu nhi khó nuôi dưỡng.

7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Bếp Khôn (Tây Nam) là Tây trù hiệp với Tây tứ trạch, đối với cửa Khôn (Tây Nam) và chủ Cấn đồng được tý hòa. Đây là một cái bếp đại cát vậy.

8) Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây): Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Đoài (chánh Tây) tương sanh và là bếp Thiên y đắc vị. Bếp Đoài (chánh Tây) đối với chủ Cấn cũng tương sanh và hỗ biến được diên niên hữu khí. Thật là một cái bếp đại lợi, hiệp với Sinh khí trạch thành nhà ba tốt, cũng gọi là Tam tinh hỷ hội chi trạch, là nhà có ba ngôi sao tốt tụ hội vui mừng.

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều thuộc về chủ nhà mạng Cấn. Đại khái 4 bếp Kiên, Khôn, Cấn, Đoài, (Tây trù) hiệp với Tây Tứ Trạch kể là các bếp tốt, còn 4 bếp Khâm, Ly, Chấn, Tốn (Đông trù) không hiệp với Tây Tứ Trạch kể là các bếp bất lợi.

6- CHỦ NHÀ MẠNG CẤN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG ĐOÀI (CHÁNH TÂY) DIÊN NIÊN

(Cửa cái tại Đoài (chánh Tây) chủ nhà hay sơn chủ tại Cấn).

Chuyến Để Mạng Cấn

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Trạch sơn tăng phúc, tiểu phòng vi vinh.

Ý nghĩa: Đầm núi thêm phúc phòng nhỏ vé vang. Trạch là cái đầm nước, chỉ vào Đoài (Đoài vi trạch). Sơn là núi, chỉ vào Cấn (Cấn vi sơn). Tăng phúc là phước. Tiểu phòng là phòng nhỏ, nói về thế thiếp là vợ thứ nói về tôn tử là con thứ cũng ứng về hàng con cái nhỏ tuổi con cái hàng thứ thê, thứ đệ. Vinh là vé vang tốt tươi.

- Theo phép Bát biến thì từ cửa Đoài (chánh Tây) biến ba lần tới chủ phòng Cấn được Diên niên cho nên gọi là Diên niên trạch. Diên niên kim đối với cửa Đoài(chánh Tây) kim là tỵ hòa vượng khí, lâm Cấn thổ là tương sanh phối. Đây là kiểu nhà tốt bậc nhất trong hạng Tây tứ trạch. Nhà này, nam thông minh, nữ tuần tú, nam nữ đều trung hiếu hiền lương và sống lâu, gia đạo thuận hòa, giàu có, sang trọng, vé vang, khoa giáp đậu liền liền. Phát đạt nhất là hạng kim ứng vào số 4 hay 9 cho nên ở tới 4 năm hay 9 năm sẽ phát phước, và những năm thuộc kim cục là Tỵ, Dậu, Sửu thì ứng cát tường (đem đến việc lành).

Cửa Đoài (chánh Tây) với chủ Cấn phối 8 chỗ đặt bếp:

1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): Bếp Kiền (Tây Bắc) kim đối với cửa Kiền (chánh Tây) tỵ hòa là bếp sinh khí, đối với chủ Cấn tương sanh và hổ biến được Thiên y. Đây là một hướng bếp đại cát. Hơn nữa là nhờ bếp này mà nhà Diên niên có thêm sinh khí và Thiên y, hợp thành nhà ba tốt, phước lộc thọ đầy đủ.

2) Bếp đặt tại Khăm (chánh Bắc); Bếp Khăm (chánh

Bắc) thủy tiết khí cửa Đoài (chánh Tây) và là bếp hỏa hại đối với chủ Cấn, tương khắc và hồ biến Ngũ quý. Hỏa hại đã hung, Ngũ quý còn hung hại hơn.

- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Bếp Cấn (Đông Bắc) thổ với cửa Đoài (chánh Tây) tượng sinh và là bếp Diên niên đắc vị, đối với chủ Cấn tỵ hòa phục vị. Đây là hướng bếp tốt.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông): Bếp Chấn (chánh Đông) mộc đối với cửa Đoài (chánh Tây) tương khắc và chính biến Tuyệt mạng, đối với chủ Cấn cũng tương khắc và hồ biến Lục sát: hung tảo.
- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam): Bếp Tốn (Đông Nam) mộc đối với cửa Đoài (chánh Tây) và chủ Cấn đều tương khắc và biến sinh hỏa hại với Tuyệt mạng. Cũng như bếp Chấn (chánh Đông) là hung tảo.
- 6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam): Khắc cửa Đoài (chánh Tây) và là bếp Ngũ quý đại hung. Bếp Ly (chánh Nam) với chủ Cấn hồ biến hỏa hại, cũng chẳng tốt.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Bếp Khôn (Tây Nam) thổ sanh cửa Đoài (chánh Tây) và chính biến Thiên y đáng diện rất tốt, đối với chủ Cấn tỵ hòa và hồ biến được sinh khí tuy vô khí nhưng cũng vẫn tốt. Vả lại, nhờ bếp Khôn (Tây Nam) mà nhà Diên niên có thêm Thiên y với Sinh khí hợp lại mà thành nhà ba tốt, rất tốt.
- 8) Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây): Bếp Đoài (chánh Tây) kim đối với cửa Đoài (chánh Tây) kim tỵ hòa phục vị

chẳng tốt bao nhiêu nhưng đối với chủ Cấn tương sanh và hỗ biến được Diên niên hữu khí rất tốt. Như vậy bếp này tốt vừa vừa.

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều thuộc chủ nhà mạng Cấn là Diên niên trạch. Là Tây tứ trạch thì các Tây trù thuộc cát tảo mà Đông trù thuộc về hung tảo. Tây trù là 4 bếp Kiền, Khôn, Cấn, Đoài. Đông trù là 4 bếp Khảm, Ly, Chấn, Tốn.

7- CHỦ NHÀ MẠNG CẤN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG KIỀN (TÂY BẮC) THÊN Y

(Cửa cái tại Kiền (Tây Bắc), chủ nhà hay sơn chủ tại Cấn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Thiên lâm sơn thượng: gia phú quý.

Ý nghĩa: Chữ Thiên chỉ vào cung Kiền (Kiền vi thiên), chữ sơn chỉ vào cung Cấn (Cấn vi sơn). Gia phú quý là nhà giàu và sang (tiền nhiều chức lớn). Đại ý nói cửa cái tại Kiền (Tây Bắc) và chủ phòng hay sơn chủ tại Cấn là ngôi nhà giàu có lại sang trọng.

- Từ cửa Kiền (Tây Bắc) biến 6 lần tới chủ Cấn được Thiên y cho nên gọi là Thiên y trạch. Thiên y là phúc thần lâm Cấn tỵ hòa đấng diện ất làm cho nhà cửa kiện vượng, sanh 5 con trai (thổ số 5), ruộng vườn ba bốn cánh (Kiền kim số 4), người người thường niệm Phật thích xem kinh (tánh chất Thiên y). Sơn niên vừa sang, trường thọ và người khá Đông, trai ăn ở nhân từ, gái giữ gìn tiết nghĩa... Nhưng về sau cái khí thể của

Thiên giám sát lần lần mà không sanh hóa được (Kiền với Cấn thuần dương, không có âm), thành thử khắc hại vợ con, tới đời con cháu sau chịu cô đơn, phải tính việc nuôi con kế khác nối dòng. Tuy thật tốt, song không đủ âm thì chẳng phải là cái kế lâu dài.

Cửa Kiền (Tây Bắc) với chủ Cấn phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): Bếp Kiền (Tây Bắc) đối với cửa Kiền (Tây Bắc) là bếp Phục vị thất vị (Phục vị bị Kiền khắc), nhưng đối với chủ Cấn tương sanh và hỗ biến được Thiên y. Bếp như vậy cũng thuộc về bếp tốt, có thể phát lên giàu sang một lúc lâu, nhưng rồi sau sẽ khắc hại vợ con và dẫn tới sự cô độc, tuyệt tự. Vì đây là bếp Phục vị thất vị (mất ngôi) và ba chỗ chính yếu là Kiền Kiền Khâm thuần dương (thiếu âm) là diện không tán tới mãi được mà về sau phải sứt lụi.
- 2) Bếp đặt tại Khâm (chánh Bắc): Đối với cửa Kiền (Tây Bắc) thì bếp Khâm (chánh Bắc) thừa Lục sát, đối với chủ Cấn thì bếp Khâm (chánh Bắc) phạm Ngũ quý, đối với chỗ nào bếp cũng sanh mầm tai hại. Lại chủ Cấn khắc bếp Khâm (chánh Bắc) và bếp Khâm (chánh Bắc) bao thoát cửa Kiền (Tây Bắc) toàn là khắc với thoát. (Phạm Khâm gặp Kiền là Thủy gặp Kim tương sanh nhưng thừa hung Du niên thì Thủy làm hao thoát khí lực của Kim chớ không nói là tương sanh). Nhà Thiên y đẳng diện là nhà phát phú quý, nhưng gặp bếp như vậy cũng phải sanh bệnh đau tim bụng, các chứng hư lao, dư thịt, kết hòn kết khối trong ngũ tạng, tiểu nhi khó nuôi, trai gái đều yếu vong, cưới đi gả lại

nhiều lần, tà ma tác loạn trong nhà. Ngôi nhà này cửa Kiền (Tây Bắc) chủ Cấn thuộc Tây tứ trạch mà dùng bếp Khâm (chánh Bắc) là Đông trù sát sanh tai hoạn, vậy nên bỏ đi mà dùng Tây trù cho hợp với Tây tứ trạch sẽ khỏi hại mà thêm lợi vậy. Tây trù là bếp đặt tại các cung Kiền, Khôn, Cấn, Đoài.

- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Bếp Cấn (Đông Bắc) với cửa Kiền (Tây Bắc) tương sanh và theo phép Bát biến là được bếp Thiên y. Thiên y lâm Cấn là tỳ hòa đắc địa, rất tốt, làm cho hưng vượng điền sản. Còn bếp Cấn hồ biến với chủ Cấn tuy tỳ hòa nhưng tác Phục vị thất vị, kể như không có lợi ích chi. Ba chỗ chính yếu là Kiền Cấn Cấn thuần dương bất hóa, số người chẳng thêm mà hạn nhi nữ phải lâm tai hoạn.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông): Bếp Chấn (chánh Đông) đối với cửa Kiền (Tây Bắc) tương khắc và là bếp Ngũ quý rất hung hại. Bếp Chấn (chánh Đông) với chủ Cấn tương khắc và hồ biến ra Lục sát, đối với hai chỗ đều bất lợi, cái bếp đại hung này sanh bệnh huỳnh thũng, chứng hư lao, tỳ vị thọ thương (nhiễm trùng). Lại ba cung Kiền Chấn Cấn thuần dương ắt không con thừa tự.
- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam): Bếp Tốn (Đông Nam) đối với cửa Cấn (Đông Bắc) tương khắc và là bếp họa hại, đối với chủ Cấn cũng tương khắc và hồ biến ra Tuyệt mạng, toàn là những hung Du niên, như vậy làm cho vợ con mang hại, bệnh sản lao, bệnh da vàng, gân cốt đau nhức, trẻ con mang tật phong.

- 6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam): Bếp Ly (chánh Nam) đối với cửa Kiền (Tây Bắc) tương khắc và là bếp Tuyệt mạng, đối với chủ Cấn tương sanh nhưng hồ biến ra Họa hại. Bếp như vậy khiến cho phụ nữ tánh cương liệt đáng kinh sợ, hiếm hoi con cháu. Ly thuộc về đầu mắt cho nên đầu óc tối tăm, mắt tật bệnh.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Bếp Khôn (Tây Nam) đối với cửa Kiền (Tây Bắc) tương sanh và là bếp Diên niên đắc vị, đối với chủ Cấn tý hòa và hồ biến được Sinh khí. Đây là một cái bếp đại cát khiến cho gia đạo hưng long. Bếp Khôn đối với cửa Kiền có đủ âm dương, đối với chủ Cấn cũng có đủ âm dương, lại ba cung Kiền Cấn Khôn trọn thuộc về Tây tứ trạch (không bị hỗn loạn Đông Tây) hồ biến với nhau được đủ ba Du niên tốt là Sinh khí, Diên niên và Thiên y, được mạng danh là nhà ba tốt, một ngôi nhà đủ mọi việc hạnh phúc và may mắn.
- 8) Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây): Bếp Đoài (chánh Tây) đối với cửa Kiền (Tây Bắc) tý hòa có đủ âm dương và là bếp Sinh khí, đối với chủ Cấn cũng tương sanh và hồ biến được Diên niên hữu khí (đắc vị, đắc diện). Đây là một cái bếp gồm đủ mọi điều thuận lợi, các việc tốt lành. Ngoài ra còn nhờ bếp Đoài (chánh Tây) này hợp với cửa Kiền (Tây Bắc) và chủ Cấn mà tạo nên cái nhà ba tốt (như bếp Khôn) (Tây Nam) rất phát đạt.

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây, bếp nào cũng thuộc về chủ nhà mạng Cấn, nhà Thiên y vốn đã tốt, nếu

được bếp tốt nữa ắt đại phát phú quý, bằng gặp bếp xấu sẽ giảm hết sự hưng thịnh của nhà, nhưng không làm cho cùng khốn.

8) CHỦ NHÀ CẤN MỞ CỬA CÁI HƯƠNG KHÂM (CHÁNH BẮC) NGŨ QUÝ

(Cửa cái tại Khâm (chánh Bắc), chủ nhà hay sơn chủ tại Cấn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Thủy ngộ sơn khắc tu pháp tự.

Ý nghĩa: Nước gặp Núi khắc thiếu con nối dòng. Thủy là nước chỉ vào Khâm, Sơn là Núi chỉ vào Cấn. Khâm thủy bị Cấn thổ khắc hại nên nói là nước gặp núi khắc. Pháp tự là thiếu con thừa tự.

- Từ cửa Khâm (chánh Bắc) biến hai lần tới chủ Cấn phạm Ngũ quý cho nên gọi là Ngũ quý trách. Cấn thuộc thiếu nam phạm Ngũ quý cho nên trẻ con gặp nhiều bất lợi, khó có sanh con, có sanh cũng khó dưỡng nuôi, vì vậy nên lời tượng nói là pháp tự. Nhà Ngũ quý sanh ra lắm sự khổ hại: quan tụng, khẩu thiệt, thị phi, bệnh hoạn, thất cổ trầm sông (tự vận), bị trộm cướp, vong gia bại sản, tà ma nhập trách... Thật là nhiều bệnh tật, nhiều tai họa, trăm việc chẳng hay ho chút nào.

Cửa Khâm (chánh Bắc) với chủ Cấn phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc): Bếp Kiền (Tây Bắc) kim bị cửa Khâm (chánh Bắc) tiết khí và là bếp Lục sát thuần dương. dùng lâu bếp này khắc vợ lại hiếm con thừa tự. Nhưng lúc đầu cũng có tốt là nhờ Kiền với chủ Cấn tương sanh và hỗ biến Thiên y hữu khí.

- 2) Bếp đặt tại Khâm (chánh Bắc): Bếp Khâm (chánh Bắc) thủy đối với cửa Khâm (chánh Bắc) tý hòa Phục vị tốt qua loa, nhưng đối với chủ Cấn tương khắc hồ biến Ngũ quý hại người, hao của đoán thọ, tuyệt tự.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc): Bếp Cấn (Đông Bắc) thổ đối với cửa Khâm (chánh Bắc) tương khắc và là bếp Ngũ quý rất tai hại, đối với chủ Cấn tý hòa Phục vị vô khí tốt ít.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông): Bếp Chấn (chánh Đông) mộc với cửa Khâm (chánh Bắc) tương sanh và là bếp Thiên y khá tốt, nhưng đối với chủ Cấn tương khắc và hồ biến Lục sát tai hại. Vậy bếp này nửa tốt nửa xấu, lợi hại tương đương.
- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam): Bếp Tốn (Đông Nam) âm mộc đối với cửa Khâm (chánh Bắc) dương thủy là âm dương tương sanh và là bếp Sinh khí đáng diện đại cát, nhưng Tốn khắc chủ Cấn hồ biến Tuyệt mạng bất lợi cho tiểu nhi.
- 6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam): Bếp Ly (chánh Nam) âm hỏa đối với cửa Khâm (chánh Bắc) là bếp Diên niên tốt, đối với chủ Cấn tuy Hỏa hại nhưng cũng được tương sanh. Vậy bếp này cát nhiều hơn hung. Duy Ly hỏa nóng đốt Cấn thổ khô là tượng phụ nữ tánh cương ngạnh (chỉ vào Ly) và tiểu nhi bất lợi (chỉ vào Cấn).
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam): Bếp Khôn (Tây Nam) thổ đối với cửa Khâm (chánh Bắc) tương khắc và là bếp Tuyệt mạng gây bất lợi cho hàng trung nam và

lão mẫu lại sanh các chứng bệnh da vàng, phù thũng, kết đọng hòn cục, tim bụng đau nhức. Còn như bếp Khôn (Tây Nam) đối với chủ Cấn tỵ hòa và hổ biến Sinh khí mộc vô khí tốt qua loa.

- 8) Bếp đặt tại Đoài(chánh Tây): Bếp Đoài (chánh Tây) kim sanh của Khâm (chánh Bắc) nhưng là bếp Họa hại không tốt, bất lợi cho giới phụ nữ. Nhưng Đoài với chủ Cấn tương sanh và hổ biến Diên niên hữu khí cát nhiều hung.

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều thuộc chủ nhà mạng Cấn là Đông Tây tương hỗn trạch, cho nên bếp nào đối với cửa chủ cũng biến sinh một cát Du niên và một hung Du niên. Vậy không có bếp nào trọn tốt hay trọn xấu.

HÔN PHỐI SỞ THUỘC

CỦA CHỒNG MẠNG CẤN

Những tuổi Khâm, Ly, Chấn, Tốn gọi là Đông tứ mạng nên cưới gả nhau.

Còn những tuổi Khôn, Cấn, Kiền, Đoài gọi là Tây tứ mạng nên cưới gả nhau mới được nhiều con nhiều phước.

Nếu tuổi Đông mạng cưới gả với tuổi Tây mạng phải gian khổ về con cái, không hòa thuận, không phát phước.

Như chồng Khâm thuộc Đông mạng, cưới vợ Tốn cũng thuộc Đông mạng được Sanh khí. Có được 5 đứa con hòa thuận, giúp chồng lập nên gia thất.

Nếu chồng Khâm là Đông mạng cưới vợ Cấn thuộc Tây mạng, tất phạm Ngũ quý, tuy con được 2 đứa mà gia đạo không hòa, cửa tiền bị trộm. Mạng chồng hiệp mạng vợ được Sanh khí thuộc Tham lang, có 5 đứa con. Hiệp với Thiên y, thuộc Cự môn, được 3 đứa con. Hiệp với Diên niên, thuộc Võ khúc được 4 đứa con. Phạm Ngũ quý, thuộc Liêm trinh có con 2 đứa. Hiệp Quy hôn thuộc bổ chúc được nhờ 1 gái mà thôi. Hiệp Du hôn, thuộc Văn khúc sau nhờ 1 đứa. Phạm Tuyệt mạng, thuộc Phá quân chịu cảnh Cô đơn. Phạm Tuyệt mạng thuộc Lộc tồn không con được thọ. Hãy tường tận sự sanh khắc hưu tù hiệp tuổi chồng vợ. Đường đi vào nhà bếp núc

Chuyên Đề Mạng Cấn

đặt để đúng phương hướng, cũng quyết được sự có con hay không, nhiều hay ít, nuôi được hay không nữa.

Ở chung một nhà có ông bà, cha mẹ, chú bác, anh em, chị em và vợ chồng, nên phân phòng hap trạch. Em Đông mạng ở phía Đông. Anh Tây mạng ở phía Tây mới được phúc thọ, bằng không hap thì khó thoát bản yếu. Còn vợ chồng. Ví dụ: Chồng Tây mạng nhà ở Tây tứ trạch nhưng vợ Đông mạng phải làm sao?

Nếu Trụ Bắc phòng: (phòng ở hướng Bắc). Chồng ở gian phía Tây, vợ ở gian giữa thuộc Khâm Đông Trạch hap với vợ.

Bằng Trụ Nam phòng: Chồng ở gian nhà phía Tây vợ ở trung gian hoặc gian nhà phía Đông bởi trung gian là căn giữa thuộc Ly và gian nhà phía Đông thuộc Tốn đều Đông tứ trạch hap mạng vợ.

Hoặc ở phòng phía Đông: Chồng ở gian nhà phía Bắc thuộc Cấn hap mạng chồng, vợ ở trung gian thuộc Chấn hoặc Nam gian thuộc Tốn đều hap.

Hay là ở phòng phía Tây; thì chồng ở trung gian, vợ ở gian nhà phía Nam thuộc Ly, hoặc ở gian nhà phía Bắc thuộc Khâm. Đại để vợ chồng cung mạng chẳng đồng, cứ giữ mạng chồng làm chủ. Các cung khác cũng vậy.

BÁT SAN TUYỆT MẠNG

Kiên với Ly

Đoài với Chấn

Khôn với Khâm

Cấn với Tốn



ÂM KHẮC DƯƠNG

BÁT SAN NGŨ QUÝ

Kiên với Chấn

Tồn với Khôn

Khâm với Cấn

Đoài với Ly



DƯƠNG KHẮC DƯƠNG

ÂM KHẮC ÂM

LỤC THÂN TƯƠNG HÌNH

Kiên với Khâm

Cấn với Chấn

Tồn với Đoài

Khôn với Ly

BÁT SAN HỌA HẠI

Kiên với Tồn

Khâm với Đoài

Cấn với Ly

Khôn với Chấn

Sau đây là bản lập thành, có lời bình giải rõ ràng, ai cũng có thể xem qua là hiểu, muốn biết người đó tuổi gì, thuộc cung gì trong 8 cung xem bài cung phi và bảng **BÁT TRẠCH TAM NGUYÊN** để biết rõ cung tuổi của chồng và vợ, qua cột 3 là cung phi của chồng, cột 4 là cung phi của vợ.

Ngoài ra, ta có thể xem 1 trong 8 hình bát quái tùy theo bốn mạng của mình để đoán số vợ chồng bằng cách nhìn chính giữa của bát quái đồ là cung phi của người chồng, chung quanh là 8 cung của vợ.

Dưới đây là bảng hôn phối cát hung của vợ chồng sở thuộc mạng Cấn

CẤN

CÁT	HUNG
CẤN - CẤN : CÁT	CẤN - KHÁM : HUNG
CẤN - KIỀN : CÁT	CẤN - CHẤN : HUNG
CẤN - KHÔN : CÁT	CẤN - TỒN : HUNG
CẤN - ĐOÀI : CÁT	CẤN - LY : HUNG

1. TRAI MẠNG CẤN GÁI CẤN "phục vì"

(Cấn vì son)

*Duyên hòa lương Cấn thật gian nan
Một khúc tương tư mấy nhịp đàn
Nghèo khó gần nhau, giàu cách trở
Xa quê hòa hiệp số thanh nhân*

2. TRAI MẠNG CẤN LẤY GÁI CHẤN "lục sát" (Sơn lời di)

*Lục sát tương hình kết lúa đôi
Công danh sự nghiệp nước mây trôi
Mẹ cha con cháu đều suy bại
Khốn khổ bi ai suốt cả đời*

3. TRAI MẠNG CẤN LẤY GÁI TỒN "tuyệt mạng" (Sơn phong cổ)

Hai cung tuyệt mạng chó nên gần

*Cương ép rồi sau họa hại thân
Bệnh hoạn liên miên tiền của sạch
Chồng bên núi Sở vợ sông Tần*

4. TRAI MẠNG CẦN LẤY GÁI LY

"họa hại" (Sơn hỏa bí)

*Cần Ly phước đức vốn tương sanh
Phối hợp hòa vui sự nghiệp thành
Nhà cửa khang trang vườn đất rộng
Cháu con hiền hiếu lập nên danh*

5. TRAI MẠNG CẦN LẤY GÁI CUNG KHÔN

"Sinh khí" (Sơn địa bát)

*Cây khô gặp lúa gọi tương sanh
Sớm gặp bại suy, muộn mới thành
Sanh khí tuy nhiều nhưng phải chậm
Cháu con rồi cũng có uy danh*

6. TRAI MẠNG CẦN LẤY GÁI ĐOÀI

"Diên niên" (Sơn trạch Tồn)

*Cần Đoài số thấy được diên niên
Chồng Mộc vợ Kim khắc cũng phiền
Giàu có ắt là cam hiểm muộn
Gặp nhau xa xứ mới là yên*

7. TRAI MẠNG CẤN LẤY GÁI KIỀN

"Thiên y" (Sơn thiên đại súc)

Thúy năng dưỡng mộc vợ nuôi chồng

Bối mạng cung cao bà hiệp ông

Con cháu đầy nhà nhờ Phước đức

Rể hiền dâu thảo rạng gia phong

8. TRAI MẠNG CẤN LẤY GÁI KHẨM

"Ngũ quý" (Sơn thủy mông)

Cấn Khâm giao hòa sự khó hòa

Biến hình Ngũ quý họa không xa

Ty sanh mà khắc vì phương vị

Con cháu suy vì hại thất gia

CON NỔI DÒNG

CỦA CHỦ NHÀ THUỘC MẠNG CẤN

Bài con nổi dòng ở đây có ý nghĩa như cung tử tức trong khoa tử vi, chuyên lý giải về giòng giới như số lượng con cái, trai nhiều hay gái nhiều, có con hay không con, nói khác đi là sự phong túc hay hiếm muộn. Hạnh phúc giữa cha mẹ và con cái, và hạnh phúc chính bản thân của con cái chủ nhà.

Tương lai tổng quát của các con nói chung, (số phân, chết, cách chết, dễ nuôi, khó nuôi, tình trạng con đầu lòng). Muốn hiểu rõ các sự kiện trên đây khoa tử vi cần phải hội đủ: Năm, tháng, ngày, giờ sinh, rất phiền phức vì có nhiều người trên đời này chưa chắc hội đủ các chỉ tiêu đó.

Đối với thuật Phong Thủy, chỉ cần biết mạng chủ nhà (cung phi) là có đủ cơ sở để xét đoán các tình huống như: Hôn nhân của con cái, Nếp sống, Tật bệnh, Tai họa.

Dưới đây là bài nói về con nổi dòng của chủ nhà thuộc mạng:

Cấn mạng được Khôn phương sinh khí là Táo khẩu, có 5 con trai, được Đoài phương là Diên niên có 4 con trai, được Kiền phương là Thiên y có 3 trai, Cấn phương là Phục vị chỉ có một gái thôi. Phạm vào Tốn phương là Tuyệt mạng, trước hai con gái trưởng, sau hai con trai trưởng tuyệt tự! đều bị mắc chứng Tì tiết, kinh cam, ma phong, sang tật! hoặc chẳng sanh con mà tuyệt! Phạm vào phương Chấn thương trưởng tử, có 1 con trai. Phạm vào Khâm phương thương Trọng tử có 2 con. Phạm vào ly phương thương Trọng tử (con thứ 2) trọn đời không có con! đó là lấy Họa hại cũng tại thổ tuyệt.

CẤN MẠNG:

(Phục: Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, Kiền, Khâm, Cấn: Lục, tuyết, họa, sinh, diên, thiên, ngũ).

HÔN NHÂN:

Cấn mạng phối vợ Khôn mạng có 5 con trai, phối vợ Đoài mạng có 4 con trai, vợ chồng hòa mục. Phối với vợ Kiền mạng có 3 con trai. Táo khẩu nên hướng phương sinh khí ở Khôn. Cầu hôn thì hướng vào phương Diên niên ở Đoài.

TỬ TÚC:

Cấn mạng phạm Tốn phương là Tuyết mạng Táo khẩu thì sau quá nhiên tuyết tự.

TẬT BỆNH:

Cấn mạng của quá phụ không con ăn ở Táo khẩu hướng Tốn 3 năm, có đứa con gái sắp cài trâm (15 tuổi) bị bệnh phong lao nguy nặng! Nếu làm thêm bếp ở phương Kiền, lấy Táo khẩu hướng Thiên y, cho con cái ăn riêng một mình, thì không những giảm bệnh mà cũng có thể thọ được nữa, không nên nấu ăn ở bếp cũ, vì Táo khẩu hung! Vậy đổi hướng Táo khẩu triều vào Khôn là Sinh khí phương, ăn uống ở bếp đó thì con gái khỏi bệnh. Quá là con gái được khỏi, vận hạn của cha mẹ hay lâm lụy đến con gái, hạn nạn của con gái sẽ lâm lụy đến cha mẹ, đều có thể suy bại! vậy chữa thuốc cho bệnh nhân, nên trị ở phương hướng của cha mẹ y trước, hoặc trị phương hướng của cha chồng người con gái, lại thêm đổi cả phương hướng của bệnh nhân sẽ mau hiệu nghiệm. Xét về sinh chứng bệnh như: Cấn mạng thì cả trai, gái, hễ phạm vào Ly phương ra bệnh ho hen, đàm suyễn, viêm hóa, ung độc ghê lở, thổ huyết, vàng ốm gầy gò, phạm vào phương Chấn, sinh chứng lỵ, sốt rét, nóng đặng huyết, co quắp chân tay, từng phong,

đến 3 năm sau sẽ hóa đại binh, ma phong thì chết.

Nếu tiểu nhi phạm vào Táo khẩu ở Tốn, hoặc phạm phòng ở Tốn phương, sẽ sinh bệnh Tê phong, mẩn kinh. Phạm vào phương Khâm sẽ sinh thương hàn, thận hư, di trọc, các chứng. Đàn bà thì bệnh kinh bế, băng huyết, tiểu sản, đều nên dùng phương Kiên là hướng Thiên y để trừ bệnh, hoặc dùng phương Đoài là hướng Diên niên lai lộ và phạm phòng phương vị sẽ được cát tường.

TAI HỌA:

Cẩn mạng, phạm vào Chấn phương sẽ có người cảm hầu như thân dài như mộc hình ở phương Đông xúi dục kiện cáo, phá tài sản, con lớn bất hiếu, làm hại cha mẹ, con trưởng tự què chân tay. Nếu cha mẹ tạo ra ngỗ nghịch, thì khỏi người khác kiện. Phạm vào phương Tốn sẽ hại mẹ, vợ, con gái đến tuyệt tự! Lại tự hại chân tay mà chết yếu, chịu cha mẹ chửi mắng, trách móc. vợ chồng bất hòa, con gái, con trưởng ngỗ nghịch! Phạm vào phương Ly thì vợ sinh dâm ô, tiếng đồn xa gần ghê tởm! hoặc ngao du thông đồng với kẻ trên, cậy quyền khinh khi chồng! làm rối loạn gia phong, chồng hận ra thành bệnh, tức như câu ở Thúi kinh nói rằng: "Cẩn, Ly âm nhân nhiều gia phong" đúng như vậy! Lại cậy thường thê thiếp mà đắc thắng! phi phá tài, thì bị thất thoát không sai! có chứng bệnh tam quan v.v...

Có một phú ông Cẩn mạng, đại Táo 7 nôi hồng cửa miệng (Táo khẩu) đều hướng vào phương Bắc, cộng có 7 vợ, vợ Cẩn phạm vào Khâm, sẽ thất bại 5 lần. Lại bị hóa tai, thê thiếp lấy trộm tiền của cho cha mẹ, nô bộc tì đao tẩu chết con trai thứ 2 vì thúi tai; lại bị thương hàn, thận hư, dương trọc, ốm yếu, gãy mòn, bản cứng.

MỤC LỤC

- Biểu Tượng Vạn Vật Sở Thuộc Cung Cấn.	07
- Vạn Mạng Trọn Đời Của Chủ Nhà Mạng Cấn.	12
- Bát Quái Đồ Của Chủ Nhà Mạng Cấn.	17
- Phương Hướng Xây Nhà Của Người Mạng Cấn.	18
- Chọn Phương Hướng Trổ Cửa Của Chủ Nhà Mạng Cấn.	22
- Cửa Cái và chỗ Đặt Bếp Lò Của Chủ Nhà Mạng Cấn.	23
- Hôn Phối Sở Thuộc Của Chủ Nhà Mạng Cấn.	47
- Con Nối Dòng Của Chủ Nhà Mạng Cấn.	53

